

Thẻ ghi nợ là gì? Debit card là gì? Không mở TKTT có được phát hành thẻ ghi nợ không?

10:33 25/10/2024

Thẻ ghi nợ là gì? Debit card là gì? Không mở tài khoản thanh toán, có được yêu cầu phát hành thẻ ghi nợ hay không? Phát hành thẻ ghi nợ bằng phương tiện điện tử, có được không?

Tại bài viết này, PHÁP LUẬT DOANH NGHIỆP sẽ giải đáp các vấn đề: “Thẻ ghi nợ là gì? Debit card là gì? Không mở tài khoản thanh toán có được phát hành thẻ ghi nợ không?”



Ảnh minh họa

1. Thẻ ghi nợ là gì? Debit card là gì?

Cụ thể về “Thẻ ghi nợ là gì? Debit card là gì?”, căn cứ khoản 2 Điều 3 Thông tư 18/2024/TT-NHNN về thẻ ghi nợ hay còn gọi là Debit card. Đây là loại thẻ cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi số tiền và hạn mức thấu chi (nếu có) trên tài khoản thanh toán của chủ thẻ mở tại tổ chức phát hành thẻ.



Tải về

File Word Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn có hiệu lực từ ngày 01/7/2024



Tải về

Hệ thống biểu mẫu về pháp luật doanh nghiệp (cập nhật mới)



Thẻ ghi nợ là gì; Debit card là gì; Không mở tài khoản thanh toán có được phát hành thẻ ghi nợ (Ảnh minh họa – Nguồn từ Internet)

2. Không mở tài khoản thanh toán có được yêu cầu phát hành thẻ ghi nợ không?

Căn cứ khoản 4 Điều 9 Thông tư 18/2024/TT-NHNN về việc không mở tài khoản thanh toán có được yêu cầu phát hành thẻ ghi nợ như sau:

Theo quy định thì khi tổ chức phát hành thẻ ghi nợ, phải yêu cầu chủ thẻ chính có tài khoản thanh toán mở tại tổ chức phát hành thẻ.

Như vậy, chủ thẻ chính cần phải có tài khoản thanh toán mở tại tổ chức phát hành thẻ khi phát hành thẻ ghi nợ.

3. Phát hành thẻ ghi nợ bằng phương tiện điện tử có được không?

Tổ chức phát hành thẻ có thể thực hiện phát hành thẻ ghi nợ đối với chủ thẻ chính là cá nhân, tổ chức bằng phương tiện điện tử. Thủ tục phát hành thẻ bằng phương tiện điện tử được thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Thông tư 18/2024/TT-NHNN.

4. Những nội dung tối thiểu cần có trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ là gì?

Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ phải bao gồm tối thiểu các nội dung tại khoản 1 Điều 12 Thông tư 18/2024/TT-NHNN. Cụ thể bao gồm:

Số hợp đồng.

(ii) Thời điểm (ngày, tháng, năm) lập hợp đồng.

(iii) Tên tổ chức phát hành thẻ, tên chủ thẻ; họ, tên cá nhân được tổ chức ủy quyền sử dụng thẻ.

(iv) Các nội dung về quyền và nghĩa vụ của các bên.

(v) Quy định về phí (các loại phí, các thay đổi về phí).

(vi) Việc cung cấp thông tin và hình thức thông báo của tổ chức phát hành thẻ cho chủ thẻ về việc phát hành thẻ, số dư tài khoản, lịch sử giao dịch thẻ và các thông tin cần thiết khác.

(vii) Thỏa thuận về việc cấp tín dụng cho chủ thẻ, bao gồm:

- Hạn mức (hạn mức thanh toán, hạn mức rút tiền mặt và các hạn mức khác).

- Sự thay đổi hạn mức sử dụng thẻ, hạn mức thấu chi (đối với thẻ ghi nợ) và hạn mức tín dụng.

- Lãi suất, phương pháp tính lãi trong hoạt động cấp tín dụng theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, thứ tự thu hồi nợ gốc và lãi (đối với thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ được thấu chi).

- Thời hạn cấp tín dụng, mục đích cấp tín dụng, thời hạn trả nợ, mức trả nợ tối thiểu, phương thức trả nợ, phí phạt khoản nợ quá hạn (nếu có).

Thỏa thuận về việc cấp tín dụng cho chủ thẻ có thể được nêu trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ hoặc tại văn bản thỏa thuận riêng.

(viii) Phạm vi, hạn mức sử dụng, thời hạn hiệu lực của thẻ.

(ix) Các trường hợp tạm khóa, từ chối thanh toán thẻ, tạm dừng giao dịch thẻ.

(x) Các trường hợp thu hồi thẻ hoặc hủy hiệu lực của thẻ trong quá trình sử dụng (bao gồm trường hợp tổ chức phát hành thẻ phát hiện khách hàng sử

dùng giấy tờ giả, mạo danh để phát hành thẻ hoặc sử dụng thẻ cho mục đích lừa đảo, gian lận hoặc các hoạt động bất hợp pháp khác và các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật).

(xi) Các trường hợp hoàn trả lại số tiền trên thẻ chưa sử dụng hết.

(xii) Việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong sử dụng thẻ và trường hợp mất thẻ hoặc lộ thông tin thẻ.

(xiii) Phương thức tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại.

Trong đó, thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại và việc xử lý kết quả tra soát, khiếu nại theo quy định tại Điều 19 Thông tư 18/2024/TT-NHNN.

(xiv) Các trường hợp bất khả kháng.

(xv) Việc xử lý dữ liệu cá nhân của khách hàng, của người có liên quan theo quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN hoặc dữ liệu cá nhân do khách hàng tổ chức cung cấp.

Việc cung cấp thông tin cho bên thứ ba nhằm phục vụ việc cung ứng dịch vụ thẻ cho chủ thẻ hoặc xử lý các trường hợp nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm quy định pháp luật.

Quý khách hàng xem thêm >> Thủ tục phát hành thẻ ngân hàng.

T. Hương (Nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/>)